

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-PT
Ngày 04 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán tham gia: Ông Lê Quốc Hương và bà Bùi Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 71/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Ngô Thanh T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 11-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Thanh T, sinh năm 1987 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Bá Th và bà Lã Thị M; có vợ là Hoàng Thị H và 03 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04-11-2019 - Có mặt.

2. Phan Văn K, sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn W, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Th; nhân thân: Ngày 02-2-2014 thực hiện hành vi phạm tội, Bản án số: 09/2020/HS-ST ngày 10-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21-9-2019 - Có mặt.

3. Phạm Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Ngô Thị Thanh Nh (đã ly hôn) và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-11-2019 - Có mặt.

4. Phạm Văn H, sinh năm 1998 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V và bà Tạ Thị C; tiền án: Bản án số: 657/2017/HS-PT ngày 14-12-2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H xử phạt 09 tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”, chấp hành xong hình phạt ngày 23-11-2018; nhân thân: Bản án số: 11/2016/HS-ST ngày 28-3-2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28-10-2019 - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 04-7-2019, Ngô Thanh T, Nguyễn Ngọc Q và Trần Văn B thỏa thuận đánh bạc bằng hình thức chơi bài liêng với Nguyễn Hữu Th và Nguyễn Phương N (nếu thắng T, B và Q cùng chia nhau). Sau đó, tại nhà rẫy của T tọa lạc tại thôn R, xã N, huyện Đ, T, Q, B, Th và N đánh bài từ 14 giờ 30 phút đến 18 giờ cùng ngày có Nguyễn Đình N tham gia đánh với số tiền 300.000 đồng. Trong khi đánh bạc, N và Th bị thua nên cầm cố cho Q 01 điện thoại Oppo F11 với số tiền 5.000.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6S Plus với số tiền 4.000.000 đồng và 01 xe mô tô Air Blade với số tiền 20.000.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, N và Th thua nên nghỉ chơi. Lúc này, Q hẹn B và T sáng hôm sau qua huyện T để chia tiền thắng bạc.

Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 48.100.000 đồng, trong đó tiền mặt 19.100.000 đồng. Q thắng tổng cộng cả tiền mặt và tiền cho Th và N cầm cố tài sản là 47.700.000 đồng (số tiền Q cầm cố tài sản cho Th và N là số tiền thắng trong quá trình đánh bạc).

Khoảng 08 giờ ngày 05-7-2019, Q, T, B và N gặp nhau tại quán cà phê tọa lạc tại xã Đ, huyện T. Q đưa chiếc xe mô tô thắng bạc đi cầm cố được 16.000.000 đồng, Q, T và B thống nhất định giá chiếc điện thoại Oppo F11 màu xanh trị giá 3.000.000 đồng, chiếc điện thoại Iphone 6S Plus trị giá 2.000.000 đồng. Sau đó, Q đưa cho T 7.000.000 đồng, B 2.000.000 đồng và chiếc điện thoại Iphone 6S Plus, nợ lại B 3.000.000 đồng. Q giữ lại chiếc điện thoại Oppo F11 và 7.000.000 đồng. Lúc này, T yêu cầu Q chia tiếp số tiền thắng bạc của Th và N, nhưng Q nói để tính sau.

Khoảng 11 giờ ngày 06-7-2019, bức tức do chưa được chia số tiền thắng bạc còn lại, T gọi điện thoại cho Q hẹn tối đến nhà N để đánh bạc, với mục đích để yêu cầu chia tiền. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T đi xe mô tô và mang theo 01

dao phát để bên hông xe đến gặp Phạm Văn T và Phạm Văn H kể sự việc Q chia tiền thắng bạc không đều và rủ Phạm Văn T và H tối đi gặp Q đòi tiền thì được đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T đi đến nhà ông TT và rủ Phạm Văn T, K và H đi gặp Q đòi tiền. Lúc này, T nói *“anh em mình đi gặp nó thanh toán, nó mà không trả tiền thì cho nó một trận dần mặt”* thì cả nhóm đồng ý. Sau khi gặp được Q, T hẹn Q đi sang chòi rầy của T để đánh bạc nhưng Q nói không có tiền. Sau đó, T nói với H, K và Phạm Văn T đi đến nhà rầy của N để nói thắng với Q về chuyện tiền bạc, nếu Q không trả thì đánh dần mặt và nói H mang theo 01 con dao dạng dao rựa để bên hông nhà rầy của T. Khi đến nơi, T hỏi Q về tiền thắng bạc và yêu cầu thanh toán luôn nhưng Q bảo chưa có tiền nên T dùng tay giật chiếc điện thoại Nokia trên tay Q rồi tát vào mặt Q. Phạm Văn T ngồi bên cạnh thấy vậy nên dùng tay trái đâm vào mặt Q một cái, K dùng tay, chân đánh vào mặt và ngực Q, H dùng tay trái tát vào mặt Q. Thấy Q bị đánh thì anh M (là bạn Q) đứng dậy, T chạy ra ngoài lấy con dao phát kê vào cổ anh M và nói vào ghế ngồi. Lúc này, K kéo tay anh M ngồi vào ghế, T đến hỏi chuyện tiền bạc, Q nói chưa có và hẹn để thứ hai sẽ thanh toán. H nghe vậy thì chạy ra ngoài xe lấy con dao rựa rồi đi vào dùng sòng dao đánh vào lưng Q một cái. Khi đó, T ngăn H lại không cho đánh Q và K lục tìm trên người Q và nói bỏ ví ra, T để chiếc điện thoại Nokia của Q xuống ghế. Sau đó, K kiểm tra người Q nhưng không thấy tài sản gì, T kiểm tra ví của Q thấy chỉ có khoảng hơn 100.000 đồng nên không lấy và bỏ ví lại xuống ghế. Do nghi ngờ Q đưa tiền nhờ anh M giữ nên T nói K kiểm tra người anh M và lấy một chiếc ví, 01 chiếc điện thoại Oppo màu trắng (của anh M) và 01 chiếc điện thoại di động Oppo F11 bỏ lên bàn. T cầm ví của anh M kiểm tra nhưng không có tiền nên trả lại anh M và cầm chiếc điện thoại Oppo màu trắng hỏi điện thoại của ai thì anh M nói của anh M nên T trả lại cho anh M. T tiếp tục cầm chiếc điện thoại Oppo F11 màu xanh hỏi điện thoại của ai thì Q nói là điện thoại thắng bạc hôm trước. T cầm chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần của mình và nói K ra mở cốp xe máy của Q để kiểm tra nhưng không thấy tài sản gì. Lúc này, T yêu cầu Q phải trả mình số tiền 3.000.000 đồng mà Q chia còn thiếu nhưng Q vẫn nói để thứ hai sẽ trả. T yêu cầu Q viết giấy nợ và đòi giữ xe máy của Q nhưng Phạm Văn T và H can ngăn. T nói Nguyễn Đình N đứng ra nhận nợ thay là được nên Nguyễn Đình N đứng ra nhận nợ số tiền 3.000.000 đồng thay Q. Phạm Văn T chửi Q một hai câu rồi tát Q một cái, Q xin lại điện thoại Nokia thì T dùng dao phát mang theo chặt vỡ chiếc điện thoại và tát vào mặt Q một cái rồi cùng Phạm Văn T, H và K đi về. Sau đó, T đưa chiếc điện thoại đã lấy của Q đưa cho Phạm Văn T và nói giữ lấy mà dùng. Phạm Văn T, K và H đem điện thoại đi cầm cố được 3.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân. Ngày hôm sau, H quay lại tiệm cầm đồ nói bán chiếc điện thoại trên và lấy thêm 700.000 đồng.

Kết quả định giá tài sản số: 01/HĐ-ĐG ngày 07-01-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ xác định giá trị còn lại của chiếc điện thoại Oppo F11 có giá trị 4.200.000 đồng; giá trị còn lại của chiếc điện thoại Nokia loại bàn phím, màu xanh có giá trị còn lại là 200.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2020/HS-ST ngày 11-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Ngô Thanh T phạm tội “*Đánh bạc*” và tội “*Cướp tài sản*”; các bị cáo Phan Văn K, Phạm Văn T và Phạm Văn H phạm tội “*Cướp tài sản*”; các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Phương N, Nguyễn Đình N và Trần Văn B phạm tội “*Đánh bạc*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ngô Thanh T 01 năm 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và 07 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là 09 năm tù.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Văn K 06 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của Bản án số: 09/2020/HS-ST ngày 10-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành phạt chung là 08 năm 06 tháng tù.

3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn T 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

4. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn H 07 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo còn lại, trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 18 và ngày 25-6-2020, các bị cáo Ngô Thanh T, Phan Văn K, Phạm Văn T và Phạm Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử phạt các bị cáo đúng người, đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông phát biểu: Đối với bị cáo T khi phạm tội “*Đánh bạc*” thuộc trường hợp “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo T, Phạm Văn T, H và K, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm mới chỉ xem xét tình tiết này đối với bị cáo K mà không xem xét đối với các bị cáo T, Phạm Văn T và H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm hình phạt cả 02 tội đối với bị cáo T; đối với các bị cáo H và

Phạm Văn T mặc dù cấp sơ thẩm bỏ sót một tình tiết giảm nhẹ, tuy nhiên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04-7-2019, tại chòi rẫy của Ngô Thanh T tọa lạc tại thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, các đối tượng Ngô Thanh T, Nguyễn Ngọc Q, Trần Văn B, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Phương N và Nguyễn Đình N đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi bài liêng, với tổng số tiền 48.100.000 đồng (trong đó 19.100.000 đồng tiền mặt và giá trị tài sản cầm cố). Do đó, hành vi trên của các bị cáo đã bị kết án về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Ngoài ra, khoảng 19 giờ 45 phút ngày 06-7-2019, tại chòi rẫy của anh Nguyễn Đình N tọa lạc tại thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, các bị cáo Ngô Thanh T, Phan Văn K, Phạm Văn H và Phạm Văn T đã có hành vi sử dụng dao là hung khí nguy hiểm đe dọa, sử dụng vũ lực ngay tức khắc tạt, đâm, đá vào mặt và các vị trí khác trên thân thể của anh Q yêu cầu đưa tiền; lục soát trên người, trong xe mô tô của anh Q với mục đích để lấy tiền và đã lấy được chiếc điện thoại hiệu Oppo F11 có giá trị 4.200.000 đồng. Do vậy, Bản án số: 25/2020/HS-ST ngày 11-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã kết án các bị cáo T, H, K và Phạm Văn T về tội “*Cướp tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Sử dụng phương tiện nguy hiểm*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

2.1. Đối với bị cáo Ngô Thanh T: Ngày 04-7-2019 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội “*Đánh bạc*”, tội phạm hoàn thành ngay sau khi bị cáo cùng các bị cáo khác kết thúc việc đánh bạc (khoảng 20 giờ cùng ngày) và bị kết án theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Do đó, lần phạm tội đánh bạc vào ngày 04-7-2019 của bị cáo T thuộc trường hợp “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i khoản Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo Tuấn đã ra đầu thú thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá và áp dụng đối với bị cáo T. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội “*Đánh bạc*” và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội “*Đánh bạc*” và “*Cướp tài sản*” để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T.

2.2. Đối với bị cáo Phan Văn K: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là thỏa đáng. Ngoài ra, ngày 10-3-2020, bị cáo K còn bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông kết án 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ khác, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

2.3. Đối với bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn H: Mặc dù Hội đồng xét xử sơ thẩm bỏ sót tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Đầu thú*” và “*Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*” quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Song, các bị cáo Phạm Văn T và H chỉ được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và có nhân thân xấu. Mặt khác, mức hình phạt 07 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo H và Phạm Văn T.

[3]. Về án phí: Các bị cáo K, Phạm Văn T và H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; riêng bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Thanh T; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Văn K, Phạm Văn T và Phạm Văn H.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ngô Thanh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 169; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Ngô Thanh T 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 04-11-2019.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phan Văn K 06 (*Sáu*) năm 06 (*Sáu*) tháng từ về tội “*Cướp tài sản*”. Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 02 (*Hai*) năm tù tại Bản án số: 09/2020/HS-ST ngày 10-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo Phan Văn K phải chấp hành hình phạt của 02 bản án là 08 (*Tám*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 21-9-2019.

1.3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn T 07 (*Bảy*) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 25-11-2019.

1.4. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn H 07 (*Bảy*) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28-10-2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phan Văn K, Phạm Văn T và Phạm Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ I);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đắk Song;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Lương Đức Dương